

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08-8-2018

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy - Thư ký Tòa án;

Ngày 08/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1159/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đ T L, sinh năm 1986: Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông T V C, sinh năm 1983: Vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số nhà xx, đường N T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông C tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào năm 2010. Quá trình chung sống được một thời gian đầu sau đó thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, hai người đã sống li thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hạnh phúc không thể níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của bà xin được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Trong quá trình sống chung, hai người có 01 con chung là cháu T Đ T A, sinh ngày 05/12/2010. Nguyên vọng bà L xin được nuôi cháu An cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lan giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và những lời trình bày nói trên.

Bị đơn ông C vắng mặt không có lý do, Tòa mặc dù Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như: Niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, lấy lời khai, thông báo hòa giải và cung cấp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại biên bản xác minh tại địa phương: Bà L và ông C có hộ khẩu và sinh sống tại địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình và địa phương đã hòa giải rất nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Nay vợ chồng đã sống ly thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nội dung khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện nay, giữa hai người không được hòa hợp, hiện đã sống li thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L xác định không còn tình cảm với ông C nữa và mong muốn xin được ly hôn.

Đối với ông C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C đều không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, không thể hiện quan điểm và cũng không có mặt tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L được ly hôn ông C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy cháu A, sinh ngày 05/12/2010 hiện nay còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay ông C không có quan điểm về con chung nên giao cháu A, sinh ngày 05/12/2010 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ Th L. Bà Đ Th L được ly hôn với ông T V C.

2. Về nuôi con:

Giao cháu Tr Đ Th A, sinh ngày 05/12/2010 cho bà Đ Th L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên;

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly

hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Đ Th L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số AA/2017/0004801 ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; VKSND TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- UBND phường T TP B;
- Lưu Hồ sơ vụ án

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Phương